

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI

BẢNG KẾT QUẢ THI KHẢO SÁT LẦN 1 - KHỐI 12

NĂM HỌC: 2019-2020

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	16/10/2002	12A1	5.4	8.5	6.6				9.75	8.75	5.25
2	Nguyễn Quang Khải	Nam	07/04/2002	12A1	4.2	4.25	4				8.5	5	7.75
3	Nguyễn Khả Tuấn Anh	Nam	11/09/2002	12A1	5.6	5.0	2.6	5	5	4.75			
4	Kiều Thị Thu An	Nữ	25/09/2002	12A1	5.4	7.0	5.2	4.25			8	5.75	4.25
5	Trần Văn Thành An	Nam	20/10/2002	12A1	8.4	6.0	2.2	6	6	2			
6	Nguyễn Thị Tuyết Anh	Nữ	18/09/2002	12A1	6	5.0	4				6.75	7.5	6.5
7	Nguyễn Văn Cường	Nam	01/09/2002	12A1	8.2	6.0	7.4	8.5	9	6.75			
8	Nguyễn Hữu Dân	Nam	12/06/2002	12A1	5	7.0	7.2	3.25	1.75	4.25			
9	Nguyễn Huy Dương	Nam	27/05/2002	12A1	5.8	4.5	4	5	4.5	5.25			
10	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	14/04/2002	12A1	6	4.0	7.6	5.25	6.75	6.5			3
11	Vũ Tiến Đạt	Nam	29/11/2002	12A1	7.6	3.5	7.4	8.5	8.75	8	9	2.25	3.25
12	Nguyễn Thị Mỹ Giang	Nữ	18/07/2002	12A1	8	6.0	6.8				9.5	8.75	8.75
13	Nguyễn Thị Phương Hào	Nữ	14/12/2002	12A1	6.2	7.25	4.6				8	8	6
14	Phùng Duy Huy	Nam	17/10/2002	12A1	8.4	5.0	9.4	6	7.75	6.25			
15	Phan Thị Huyền	Nữ	10/09/2002	12A1	6	5.0	5.4				5.75	10	6
16	Đặng Thị Hương	Nữ	30/07/2002	12A1	3.6	5.75	8.8				7.5	5.5	4.5
17	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	05/09/2002	12A1	5.8	7.0	4				6.75	6.75	5
18	Phùng Chí Kiên	Nam	16/06/2002	12A1	8	4.5	3.8	6.25	6	2.5			
19	Phan Văn Lâm	Nam	27/08/2002	12A1	6	5.25	5.4	8.25	5.25	6			
20	Đỗ Thị Khánh Linh	Nữ	18/11/2002	12A1	7.2	3.5	5				6.25	9.75	9.5
21	Nguyễn Nhã Linh	Nữ	02/12/2002	12A1	3.4	5.75	2.8				3.75	8	6.75
22	Vương Thị Linh	Nữ	20/02/2002	12A1	4.2	6.75	5.6	6.25	6	6			
23	Nguyễn Thị Phương Loan	Nữ	07/08/2002	12A1	3	7.5	4.2				8.25	7	8.5
24	Phùng Thị Luyến	Nữ	03/02/2002	12A1	4	6.75	3.6	1.75			7.75	6.25	6.75
25	Đỗ Thị Khánh Ly	Nữ	25/06/2002	12A1	5.8	7.0	4				8.5	8.5	8.25
26	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	16/05/2002	12A1	4.4	6.75	3.6	3.75	2.25		6.75	6	6.75
27	Phan Thị Nga	Nữ	01/02/2002	12A1	4	7.25	3.8				8.5	5.75	5
28	Phùng Thu Nga	Nữ	08/07/2002	12A1	5.8	8.0	2.8				8.75	6.5	6.5
29	Chu Văn Ngọc	Nam	16/06/2002	12A1	8	2.5	4.8	6.75	4.25	5.5			
30	Tạ Bích Ngọc	Nữ	27/11/2002	12A1	6.2	6.25	5	5.5	4.25	6			
31	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	20/09/2002	12A1	5.4	6.0	7.2	5.75	6.5	6.25			
32	Đặng Thị Minh Phương	Nữ	18/05/2002	12A1	4.8	6.0	7.2				9	9.75	8.5
33	Nguyễn Thị Thu Phương	Nữ	25/06/2002	12A1	6	6.25	6				9.5	9.25	9.75
34	Nguyễn Đình Quang	Nam	09/02/2002	12A1	6	4.5	4.6	5.75	3.75	3.75			
35	Kiều Thị Quý	Nữ	12/08/2002	12A1	3.4	5.5	4.6				7.25	5.75	5
36	Phan Văn Quyền	Nam	01/07/2002	12A1	6.2	5.75	5.4	6	8.25	4.5		1.5	
37	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	08/11/2002	12A1	6.6	2.5	5.8				9.25	6.5	5.75
38	Phan Thị Trinh	Nữ	16/11/2002	12A1	7.2	4.0	5.4				5.25	9	6.25
39	Nguyễn Văn Trường	Nam	10/06/2002	12A1	8.6	5.25	5.4				8.5	5.5	4.75
40	Đỗ Xuân Vũ	Nam	24/12/2002	12A1	7	4.0	5.6	5.5	2.75	5			
41	Nguyễn Minh Đức	Nam	25/10/2002	12A1	6.6	3.5	9				8	8.75	4.25
42	Nguyễn Thị Hoàn	Nữ	10/12/2002	12A1	7.6	6.0	5.6				6.25	7.5	2.75
43	Nguyễn Văn Tám	Nam	20/02/2002	12A1	4.8	3.0	2.6				6.25	3.25	3
44	Nguyễn Tiến Vượng	Nam	19/09/2002	12A10	6	2.0	7				9.75	10	9.75

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
45	Nguyễn Ngọc Linh	Nữ	10/06/2002	12A10	5.4	5.5	7.4				9.25	9.5	8.25
46	Đỗ Đức Anh	Nam	07/11/2002	12A10	4.2	6.0	3.8	5	3.25	3			
47	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	02/01/2002	12A10	4.2	5.5	4.8				7.5	7.75	9
48	Nguyễn Thị Kim Ánh	Nữ	22/01/2002	12A10	7.2	5.5	3				6.75	7.75	9.5
49	Nguyễn Nam Cường	Nam	02/11/2002	12A10	8	3.5	3.4	7.25	5.75	4.5			
50	Đặng Khoa Đăng	Nam	22/05/2002	12A10	6.6	4.0	2.6	7.25	7	3.75			
51	Nguyễn Thị Hà Đông	Nữ	03/09/2002	12A10	7.4	5.0	4.6				6.25	5.5	5.5
52	Chu Đỗ Quỳnh Giang	Nữ	13/07/2002	12A10	7	6.0	4.8				6.75	7.25	7
53	Chu Thị Thu Hà	Nữ	25/05/2002	12A10	4.6	5.25					8.5	8.25	8.75
54	Nguyễn Thu Hà	Nữ	15/08/2002	12A10	4.6	5.5	3				7	6.5	6.75
55	Nguyễn Đức Anh Hào	Nam	26/02/2002	12A10	7	6.0	4	4.5	6.5	5.25		4	4.75
56	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	29/06/2002	12A10	4.2	5.0	6.2				6.5	5	6
57	Nguyễn Văn Huy	Nam	22/12/2002	12A10	6.8	4.0	7	6	6	9.5			
58	Phí Thị Huyền	Nữ	23/02/2002	12A10	6.2	3.5					6.75	7.5	7.5
59	Đỗ Duy Hưng	Nam	03/03/2002	12A10	4.8	3.75	4.2				6.75	6.5	5.5
60	Nguyễn Đình Kiên	Nam	15/01/2002	12A10	5.4	3.0	5				7.25	4	4.25
61	Lê Thị Lan	Nữ	13/03/2002	12A10	6.8	5.0	5.8				8	7.25	8.25
62	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	17/11/2002	12A10	6.6	5.25	4				9	7.75	9.25
63	Nguyễn Văn Lương	Nam	05/08/2002	12A10	4.6	6.25	1.6				3.25	4	3.25
64	Phùng Khắc Mạnh	Nam	23/07/2002	12A10	7.8	5.25	6.2				9.75	9.25	9.75
65	Phan Thị Trà My	Nữ	02/12/2002	12A10	6	5.25	4				7	6	5.75
66	Nguyễn Thị Nga	Nữ	18/12/2002	12A10	5.6	6.5	5				7.75	7.5	9.75
67	Chu Thị Ngọc	Nữ	21/10/2002	12A10	6.4	6.75	4.6		4	CNB	6	5.75	5.25
68	Đặng Cao Ngọc	Nam	27/06/2002	12A10	6.2	5.5	3.6	5	5.5	5.5			
69	Nguyễn Thanh Nhân	Nữ	09/06/2002	12A10	4.4	6.5					7.25	5.75	6.25
70	Đỗ Khánh Ninh	Nữ	09/05/2002	12A10	4.6	6.25	4.6				9	7.75	8.75
71	Nguyễn Anh Ninh	Nam	19/09/2002	12A10	6	5.0	3.6	7.75	5.25	6.5			2
72	Nguyễn Thị Quý	Nữ	15/12/2002	12A10	8.4	7.0	4				8.75	8.25	9
73	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	22/08/2002	12A10	6.4	6.0					6.75	4.25	4.75
74	Nguyễn Năng Thái	Nam	29/01/2002	12A10	5.2	5.25	5.2				7.5	6	6
75	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	28/11/2002	12A10	5.4	3.0	5.2				7.25	2.25	4.25
76	Nguyễn Thị Thơ	Nữ	30/06/2002	12A10	6.2	7.0	3				6.25	7.25	5.5
77	Nguyễn Thị Bích Thủy	Nữ	19/09/2002	12A10	8.2	6.0	6.8				9	7.75	9
78	Phan Văn Tú	Nam	13/11/2002	12A10	3.2	5.25	2.6						
79	Nguyễn Trung Tuấn	Nam	15/01/2002	12A10	6.4	4.0	3.6				9.25	8.75	7.75
80	Phùng Khắc Vinh	Nam	14/11/2002	12A10	3.2	5.5	3.2				7	7.25	7.25
81	Nguyễn Đình An	Nam	18/08/2002	12A11	6.2	4.5	3.4				8.25	6.5	5
82	Kiều Lan Anh	Nữ	01/10/2002	12A11	6	6.5	5.6				9.25	7.75	5.25
83	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	17/06/2002	12A11	6.2	8.0	5.6				8.5	6.75	6.5
84	Nguyễn Thị Tú Anh	Nữ	22/10/2002	12A11	6	4.0	5.6				5.75	2.75	2.75
85	Phan Lạc Như Anh	Nam	05/01/2002	12A11	4.8	4.5	3.4				8.5	4	4.5
86	Trần Thị Huyền Chang	Nữ	20/01/2002	12A11	4.8	4.5	6.2				4.75	3.75	5.25
87	Phan Lạc Khang Duy	Nam	03/07/2002	12A11	4.2	1.25	3.8	3.75	2.75	3			
88	Nguyễn Mỹ Duyên	Nữ	26/09/2002	12A11	1.8	6.5	2.8				2.75	1.5	2.75
89	Nguyễn Duy Thành Đạt	Nam	28/10/2002	12A11	6.8	4.5	7.4				8.5	8.5	7.25
90	Nguyễn Hải Đăng	Nam	04/07/2002	12A11	8	4.0	7.8				8	8.25	7.5
91	Vũ Thị Phương Điều	Nữ	10/11/2002	12A11	7.8	4.0	2				7.75	1.75	4.25
92	Phùng Hương Giang	Nữ	15/06/2002	12A11	4.6	6.5	4.2				3.25	5.25	5

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
93	Tạ Thị Mỹ Hạnh	Nữ	09/03/2002	12A11	5.2	6.0	4				7.75	6.5	6.5
94	Đỗ Thị Thu Hằng	Nữ	04/03/2002	12A11	7.2	7.0	5				7.75	5.5	5.5
95	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	02/07/2002	12A11	6.4	8.0	5.8				8.75	8	7.75
96	Phan Thanh Hằng	Nữ	12/03/2002	12A11	4.6	4.25	5.2				9.25	7	5.5
97	Nguyễn Thúy Hiền	Nữ	11/05/2002	12A11	7.6	6.0	8				8.25	8.25	8.25
98	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	13/11/2002	12A11	7.6	6.5	8.2				9.5	10	8.25
99	Phan Ngọc Huyền	Nữ	27/09/2002	12A11	3.2	5.0	3				7	2.75	3.25
100	Nguyễn Mai Hương	Nữ	26/12/2002	12A11	7	8.0	6.8				8.25	8.5	8
101	Nguyễn Hữu Quốc Khánh	Nam	03/08/2002	12A11	6	4.5	2.2				8.5	4.25	6.25
102	Đỗ Thị Liên	Nữ	22/09/2002	12A11	6.8	6.0	7				9	9.25	9.25
103	Nguyễn Thị Bắc Linh	Nữ	25/08/2002	12A11	7.2	7.0	3.8				8	5	6.5
104	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	05/08/2002	12A11	4	3.0	5.2				5.25	1.75	4.5
105	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	19/09/2002	12A11	8	8.0	6.6				8.75	9	7.75
106	Phí Thị Khánh Linh	Nữ	20/02/2002	12A11	9.2	7.5	7.8				8.25	8.75	7.5
107	Tạ Thị Loan	Nữ	14/02/2002	12A11	6.4	6.5	3.6				9	5.25	6.25
108	Tạ Thị Mến	Nữ	23/05/2002	12A11	4.8	6.5	3.8				8	4.5	3.5
109	Nguyễn Văn Nam	Nam	17/03/2002	12A11	4.4	5.75	5.2				8.5	7	5.75
110	Cần Thị Thảo Nguyên	Nữ	27/09/2002	12A11	5.8	7.75	4.4				7.25	6.75	6.75
111	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	31/08/2002	12A11	2.6	7.50	2.8				7	5.25	5.25
112	Đặng Thị Ly Phan	Nữ	26/03/2002	12A11	8.8	6.25	7.8				8.25	9.25	7.25
113	Nguyễn Đình Phi	Nam	12/06/2002	12A11	6.6	4.75	3.6				7.75	5.5	4.75
114	Phan Thị Phương	Nữ	14/04/2002	12A11	3.2	6.0	2.6				9	6.25	5.5
115	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	03/10/2002	12A11	8.2	6.25	4.2				7.25	4.25	5.25
116	Phan Ngọc Sơn	Nam	04/09/2002	12A11	4.8	6.0	3.4				7.75	5.25	4
117	Đỗ Thu Thảo	Nữ	03/06/2002	12A11	6.6	7.75	9.4				8.5	7.75	7.5
118	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	15/08/2002	12A11	5.2	4.5	3.8				8.75	5.75	6.25
119	Nguyễn Tiến Thắng	Nam	23/10/2002	12A11	8.8	6.25	5				8.75	8	7
120	Nguyễn Duy Thọ	Nam	27/04/2002	12A11	4.8	5.5	4				9	5	7.5
121	Phan Thị Trang	Nữ	24/03/2002	12A11	5.4	5.0	6				8	8.25	7.5
122	Nguyễn Bảo Trâm	Nữ	29/12/2002	12A11	9.2	3.0	7.8				8.75	8.5	8
123	Ngô Đình Việt	Nam	09/08/2002	12A12	8	6.0	7	6.25	3.75	4.5			
124	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	02/10/2002	12A12	7.6	7.0	6	4.75	8.75	5.25			
125	Phùng Trung Kiên	Nam	07/05/2002	12A12	8.8	6.0	4.2	7.25	7.5	5.75			
126	Phan Thị Ngọc Yến	Nữ	01/03/2002	12A12	7.4	6.0	7.2	7	5.75	7			
127	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Nữ	10/08/2002	12A12	7.6	8.5	6.4			8	8	6.5	7
128	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	Nữ	15/01/2002	12A12	7.8	7.0	7.2	7.75	4.5	7			
129	Chu Thị Thùy Dương	Nữ	12/07/2002	12A12	7.2	6.0	3	4.25	7.75	7			
130	Nguyễn Duy Đức	Nam	08/08/2002	12A12	7.6	5.5	6.4	7.5	5	3.25			
131	Vũ Thị Khánh Huyền	Nữ	20/11/2002	12A12		5.0	3.8	8	6.5	9.75			
132	Nguyễn Minh Sơn	Nam	04/10/2002	12A12	8	4.0	1.6	6.25	9.75	5.75			
133	Đỗ Văn Anh	Nữ	01/12/2002	12A12	7.8	5.5	7.4	6.25	3.5	3			
134	Nguyễn Diệp Anh	Nữ	19/04/2002	12A12	8.6	8.0	9.2				9.75	5.75	8.5
135	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	18/10/2002	12A12	8.6	8.0	4.2	8.5	9	3.75			
136	Nguyễn Thục Anh	Nữ	16/01/2002	12A12	8.2	7.0	7.2	8.5	9	8			
137	Phí Hoàng Anh	Nam	07/05/2002	12A12	9	6.5	4.2	8	8.25	6.75	3		
138	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	11/12/2002	12A12		5.5	8.2	7	5	4.75			
139	Nguyễn Khắc Hải	Nam	31/05/2002	12A12	7.2	4.0	3.4	8.25	9.5	4.75			
140	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	17/08/2002	12A12	6.4	5.0	7.2	8	4.25	3.75	6		

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
141	Nguyễn Văn Hiệp	Nam	06/03/2002	12A12	8.4	6.0	4.2	7	6.5	6.75			
142	Phan Văn Hoàng	Nam	13/08/2002	12A12		5.0	4.2	6.75	8.5	3.25			
143	Vũ Thị Thu Huyền	Nữ	09/06/2002	12A12	8.6	4.5	4	8.25	9.5	5.75			
144	Nguyễn Đoàn Khải	Nam	17/06/2002	12A12	5.8	4.5	2.8	7	3.5	4.5			CNB
145	Nguyễn Ngọc Tuấn Linh	Nam	26/10/2002	12A12	8.8	6.0	7.6	8.25	3.5	4.25			
146	Nguyễn Phùng Khánh Linh	Nữ	09/11/2002	12A12	7	6.0	5.6	6.25	7.5	2			
147	Phan Lạc Hải Long	Nam	06/05/2002	12A12	6.6	5.5	3.4	7.25	8	4.75			
148	Đỗ Thị Ngọc Mai	Nữ	10/07/2002	12A12	7.6	6.25	6.8	8.75	6	5.75			
149	Nguyễn Duy Minh	Nam	29/11/2002	12A12	7.6	4.5	9	7.5	6.5	4.75			
150	Phan Thị Nhung	Nữ	08/08/2002	12A12	8	8.0	6.8				9.25	7.25	7.75
151	Đỗ Thị Kim Dung	Nữ	07/03/2002	12A12		7.0	3.2	8.5	8.25	6			
152	Nguyễn Đình Đắc	Nam	17/05/2002	12A12	8.2	6.5	7.8	7.5	4.25	3.25			
153	Nguyễn Ngọc Huy	Nam	08/12/2002	12A12	7.4	6.0	5.4	4.25	9.25	9.25			
154	Nguyễn Tống Mỹ Linh	Nữ	18/12/2002	12A12	8	6.75	4.2	8.25	8.5	4.75			
155	Tạ Minh Quang	Nam	02/11/2002	12A12	7.2	6.5	6.6			3	8	7	7.25
156	Nguyễn Bảo Quốc	Nam	02/09/2002	12A12	7	6.0	2.8	7	6.75	4.5			
157	Nguyễn Thuý Quyên	Nữ	11/09/2002	12A12	7.8	6.5	6.8	4.5	8.5	8.25			
158	Đỗ Tiến Thành	Nam	28/06/2002	12A12	8.4	5.75	4.8	8.5	9	6.75			
159	Đỗ Phương Thảo	Nữ	15/08/2002	12A12	7.8	7.25	5.2	7.25	9.5	4.25			
160	Nguyễn Minh Thu	Nữ	24/08/2002	12A12	8.6	8.0	6				8.75	3.75	5.5
161	Nguyễn Thị Minh Thúy	Nữ	21/10/2002	12A12		5.5	6.4	5	3	6			
162	Nguyễn Thanh Thư	Nữ	18/04/2002	12A12	8	7.0	5.4	2.25	3	5	6.75	5.75	5
163	Nguyễn Mạnh Tiến	Nam	03/07/2002	12A12	8.6	6.5	4.8	8.25	9	4.5			
164	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	23/06/2002	12A12	9.2	6.0	4	7.5	8.75	3.75			
165	Nguyễn Quốc Việt	Nam	26/02/2002	12A12	8.6	6.5	5.8	9.75	9.25	6.25			
166	Nguyễn Quốc Nam	Nam	25/12/2002	12A12	7.6	5.0	5.6	7.75	5	5.25			
167	Nguyễn Thị Thu	Nữ	27/03/2002	12A12	8	7.5	9	5	8.75	9			
168	Nguyễn Thị Hà	Nữ	31/01/2002	12A13	8.8	7.75	5.6				6.25	3.5	4.75
169	Đỗ Thị Trang	Nữ	07/11/2002	12A13	7.2	7.5	6.6				9.25	8.5	8
170	Nguyễn Đức Hùng	Nam	19/10/2001	12A13	6.6	5.0	4.6	6	4.75	6			
171	Nguyễn Thùy Dung	Nữ	16/01/2002	12A13	6.4	6.0	5.6				7	8.5	5.75
172	Nguyễn Đức Long	Nam	11/08/2002	12A13	7	2.5	3.6	8.5	8.75	3.75			
173	Nguyễn Hoài Nam	Nam	14/07/2002	12A13	7	6.0	4.4	8	5	6.25			
174	Đỗ Thị Ngọc	Nữ	14/02/2002	12A13	5.8	6.25	5.6				8.25	5.5	8.5
175	Phùng Thị Gấm	Nữ	02/02/2002	12A13	6	6.5	3.6	9	7.25	7.5			
176	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	12/08/2002	12A13	7.2	6.75	4.8	6.5	6.25	7.25			
177	Nguyễn Duy Mạnh	Nam	08/03/2002	12A13	6.6	5.75	5.6	7.75	7	5.5			
178	Phan Thị Oanh	Nữ	28/09/2002	12A13	5.2	4.0	2.4				8.25	6.25	5.25
179	Nguyễn Ngọc Sơn	Nam	17/01/2002	12A13	7.4	3.5	2.8				7.75	5.25	6.5
180	Nguyễn Diệu Anh	Nữ	22/07/2002	12A13	7.2	8.0	8				9	7.75	5.5
181	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	06/09/2002	12A13	5.6	5.5	5	6.25	6.5	7.5			
182	Kiều Đình Quân	Nam	31/10/2002	12A13	6.6	6.0	5.6	7.25	6.75	7.75			
183	Lê Phương Thảo	Nữ	03/01/2002	12A13	7.6	7.5	4.6	7.25	7.75	5			
184	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	18/07/2002	12A13	7.4	6.75	7.6	8.75	8.75	5.75			
185	Khuông Thị Phương Thảo	Nữ	05/11/2002	12A13	4.8	7.5	5.4				6.25	6	5
186	Đỗ Thị Mai Phương	Nữ	23/01/2002	12A13	8.2	6.25	6.6	8.75	8.25	8.5			
187	Đỗ Thị Nga	Nữ	06/12/2002	12A13	4.4	5.75	6.4				6.25	5.5	4.5
188	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	17/10/2002	12A13	5.6	6.5	3.6				7	5.25	4.25

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
189	Nguyễn Thị Hà Quyên	Nữ	14/01/2002	12A13	7.2	6.75	6.4	6	7.5	4			
190	Nguyễn Bá Tuyên	Nam	08/03/2002	12A13	5	6.0	5.2	7.5	6.75	4.25			
191	Nguyễn Hoàng Văn	Nam	05/07/2002	12A13	7	5.75	3.6	5.5	8.25	6.75			
192	Hoàng Mạnh Quý	Nam	30/03/2002	12A13	6.6	6.5	5.2	4	4.5	2.75			
193	Chu Mạnh Quân	Nam	09/04/2002	12A13	7	5.5	3.4	5.25	8	5.25			
194	Đặng Trung An	Nam	20/02/2002	12A13	7	4.0	5.4	4.75	2.75		7.75	6.75	6.25
195	Kiều Đức Anh	Nam	07/08/2002	12A13	7	5.0	4.2	7	7.5	5.5			
196	Nguyễn Đình Tuấn Anh	Nam	06/10/2002	12A13	6	6.0	5.8	7.5	7.5	5.25			
197	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	25/08/2002	12A13	5	8.25	4				7.75	5.75	5.5
198	Nguyễn Thị Phượng Anh	Nữ	16/06/2002	12A13	7	7.5	7				8.75	6.25	6.75
199	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	08/10/2002	12A13	8	6.5	4.2	7.5	4.25	4.5			
200	La Quốc Bảo	Nam	27/01/2002	12A13	7.8	6.5	7.6				9	9	7
201	Chu Thị Bình	Nữ	09/06/2002	12A13	5.8	5.0	5.2	4.5	7.75	5.75			
202	Nguyễn Bá Chiến	Nam	22/06/2002	12A13	6.6	7.0	4.2	8.5	8.75	4.5			
203	Nguyễn Doãn Doanh	Nam	23/11/2002	12A13	7.4	3.0	7.6	9.25	7.25	3.5			
204	Đỗ Thị Thùy Dung	Nữ	11/10/2002	12A13	5.8	5.5	4	8.25	6	5.75			5
205	Nguyễn Đăng Dũng	Nam	25/04/2002	12A13	6	6.5	5.2	5.5	9.25	8.5			
206	La Văn Đô	Nam	12/12/2002	12A13	6.2	5.0	4.4	5	2.75	3.75			
207	Đặng Cao Khang	Nam	19/09/2002	12A13	2.8	3.0	4.6	5.5	3.5	4.75			
208	Phan Văn Kiên	Nam	06/09/2002	12A13	5.4	4.0	5				8.5	6.75	5.5
209	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	17/09/2002	12A13	3.6	6.5	3				7	6.75	4.75
210	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	27/02/2002	12A13	6.4	7.0	4.6	5.5	7.5	5.75			
211	Nguyễn Quốc Khánh Sơn	Nam	06/01/2002	12A13	3.2	5.75	3.4				6.25	3	3.25
212	Vũ Đình Nam Trường	Nam	18/08/2002	12A13	4.8	3.75	6.2	7.25	6.75	6.5			
213	Nguyễn Thị Diệu My	Nữ	18/08/2002	12A2		4.0	5				7.25	9.5	3.75
214	Nguyễn Thị Hải Ly	Nữ	28/10/2002	12A2	5	7.0	5.2				8	2.5	8.5
215	Đặng Hữu Bảo	Nam	14/05/2002	12A2	4.4	6.5	3.4	4.75	3.75	4.75			
216	Phan Văn Vinh	Nam	25/12/2001	12A2		4.0	1.6				5.5	4.75	2.75
217	Nguyễn Đăng Nghĩa	Nam	06/11/2002	12A2	9.8	7.0	4.6				8	6.5	6.25
218	Phan Văn Khải	Nam	11/11/2002	12A2	6.4	5.0					8.75	7.75	8.5
219	Nguyễn Khả Bảo	Nam	02/08/2002	12A2	8.2	5.0	5				6.75	7.25	8.25
220	Chu Khánh Duy	Nam	31/05/2002	12A2	6	4.5	4				9	6.75	8.5
221	Nguyễn Khắc Duy	Nam	15/11/2002	12A2	6.6	6.0	5				8	6.25	7
222	Đỗ Hồng Dương	Nam	15/08/2002	12A2	4.6	3.0	2.8	4.75	2.75				
223	Nguyễn Văn Đạt	Nam	04/06/2002	12A2	6.2	5.0	1.2				6.75	5.5	4.25
224	Chu Thanh Hà	Nữ	11/10/2002	12A2	6.4	3.5	2.6				8.75	9.75	9.5
225	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	06/02/2002	12A2	3.6	7.0	3.4				6.5	4.25	5.5
226	Đỗ Minh Hào	Nam	01/12/2002	12A2	6.2	5.5	1.8	4.75	5	4			
227	Lê Mạnh Hào	Nam	26/05/2002	12A2	4	4.0	4.8				8.5	5.25	6.75
228	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Nữ	24/08/2002	12A2	2.4	5.0	2				5.5	4	6.25
229	Đỗ Thu Huyền	Nữ	14/11/2002	12A2	3.2	5.5	4				7.75	6.75	5
230	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	22/10/2002	12A2	4.4	6.5	2.6				6.5	6	7.25
231	Phan Thị Huyền	Nữ	23/11/2002	12A2	5.2	2.0	2.6				7.5	8	4
232	Đỗ Thị Hương	Nữ	06/04/2002	12A2	3	4.0	2.8				7	5.5	4.75
233	Nguyễn Duy Khánh	Nam	08/05/2002	12A2	5.4	5.0	2.8				6.5	3.75	5.5
234	Kiều Mỹ Linh	Nữ	01/05/2002	12A2	4	6.5	2.6				6	8	8.25
235	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	21/03/2002	12A2	5.4	5.5	2.8				7.75	4.75	4.5
236	Ngô Khánh Ly	Nữ	30/10/2002	12A2	2.4	2.5	2.4				6.25	3.5	4.5

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
237	Chu Văn Ngọc	Nam	24/04/2002	12A2	8	6.5	4				8.75	4.75	8.5
238	Nguyễn Thị Tú Nguyệt	Nữ	05/11/2002	12A2	3.8	6.5	1.4				5.25	4	2.5
239	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	29/11/2002	12A2	4	6.5	3.2				7.5	4.75	4
240	Đặng Thị Quỳnh	Nữ	05/09/2002	12A2	5.4	6.25	7.4				7	4	5
241	Nguyễn Tiến Thịnh	Nam	08/05/2002	12A2	3.2	2.5	2.6				5.75	5	4.75
242	Đỗ Thị Thơm	Nữ	04/07/2002	12A2	5.8	7.0	2.6				6	3.5	4.75
243	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Nữ	20/04/2002	12A2	3.4	7.0	7.6				6.5	6.5	7.25
244	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	20/05/2002	12A2	6	3.5	1.8				6.25	5.25	3.25
245	Nguyễn Thị Thu Uyên	Nữ	17/10/2002	12A2	2.8	6.0	4.4				5.75	5	4
246	Trương Việt Anh	Nam	06/10/2002	12A2	5.2	7.0	3.6				8.5	5.5	6
247	Cần Thị Hào	Nữ	27/10/2002	12A2	3.8	6.0	3.4				6.75	5.75	5
248	Nguyễn Khắc Lực	Nam	29/08/2002	12A2	7.4	5.75	3	5.75	4.25	2.75		3.5	
249	Phan Ích Trung	Nam	04/05/2002	12A2	3	6.5	8.2				7.75	5.75	8.25
250	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	24/06/2002	12A2	4.2	6.25	6				6.5	5.75	CNB
251	Nguyễn Xuân Trường	Nam	20/06/2002	12A3	7	4.0	5.4				5.25	6.5	8.75
252	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	06/11/2002	12A3	7.2	6.5	6.6				9	7.5	6.5
253	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	23/10/2002	12A3	5.8	4.25	6.2				8.75	8.25	9
254	Chu Văn Huy	Nam	22/09/2002	12A3	6	6.0	5.6	7	3.75	4			
255	Phí Thị Huyền	Nữ	12/06/2002	12A3	4.6	5.0	6.6				6.5	6.25	8.75
256	Vương Yến Nhi	Nữ	06/10/2002	12A3	6.8	6.75	6.8				8.75	7	6.75
257	Phan Thị Thơm	Nữ	16/03/2002	12A3	6.2	7.5	5				8	5.5	6
258	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	16/10/2002	12A3	6	5.50	5.2				7.75	6.5	9.25
259	Kiều Thị Mai Anh	Nữ	29/08/2002	12A3	4.6	4.5	3.4				7.75	6.5	5.25
260	Nguyễn Phương Anh	Nữ	02/07/2002	12A3	6	4.75	5.2	3.5	6.5	5.25			
261	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	23/01/2002	12A3	7	6.0	4.6				6.5	9	8.25
262	Phan Thị Bích Linh	Nữ	20/06/2002	12A3	7.2	5.75	6.8				8.5	9.5	7.75
263	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	13/05/2002	12A3	7	6.0	6.6				6.75	5.75	6.75
264	Đỗ Minh Việt	Nam	08/01/2002	12A3	7.6	5.75	6	5	2.5	4.5			
265	Nguyễn Thị Thùy Chinh	Nữ	21/05/2002	12A3	8.6	5.0	7				9.25	10	9.25
266	Tạ Lệ Diễm	Nữ	20/09/2002	12A3	6.6	7.5	5				9.5	6.75	6.5
267	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	20/04/2002	12A3	7.6	7.5	5.6				9.5	7.5	9.75
268	Đỗ Thị Kiều Trang	Nữ	26/12/2002	12A3	7	7.0	4.8				8.5	8.75	6.5
269	Nguyễn Văn Trường	Nam	28/11/2002	12A3	6.6	4.5	5.2				8.75	7	5.25
270	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	01/12/2002	12A3	7.4	6.5	5				8	8.25	7.75
271	Kiều Cao Sơn	Nam	10/03/2002	12A3	6.2	5.25	6.6	6	3.5	4.75			
272	Kiều Thanh Trang	Nữ	21/04/2002	12A3	6.6	6.75	4.8				9	8.25	6.5
273	Đỗ Thị Nhung	Nữ	23/03/2002	12A3	7	7.0	4.4	6.5	6.5	4.75			
274	Nguyễn Lương Duy	Nam	28/06/2002	12A3	5	6.5	4	2.25	2.25	2	8.75	6.5	6
275	Nguyễn Nam Khánh	Nam	11/06/2002	12A3	8.2	5.5	6.8				8.5	9.5	8
276	Phan Văn Tú	Nam	01/10/2002	12A3	7.8	5.5	6.6				8.25	8.5	9
277	Nguyễn Đăng Khiêm	Nam	05/06/2002	12A3	7.6	3.25	8.8				8.25	9.5	10
278	Nguyễn Đình Tú	Nam	16/04/2002	12A3	7	3.5	6.2				8.75	9	7.75
279	Phan Văn Trường Giang	Nam	30/11/2002	12A3	6.4	4.25	6.6				9	10	9.25
280	Phan Thị Hương Giang	Nữ	15/05/2002	12A3	6.8	6.0	6.2				7	6.5	5.25
281	Tạ Kim Thư	Nữ	18/02/2002	12A3	4.8	6.5	3.8				8.25	7.75	6.5
282	Nguyễn Phúc Hưng	Nam	28/01/2002	12A3	2.4	4.0	5.2		1.5		9	9.75	9.25
283	Phan Lạc Giang	Nam	06/11/2002	12A3	8.2	3.75	7.8	6.5	7.75	3.5			
284	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	11/06/2002	12A3	4.6	7.25	5				9.5	7.25	8.5

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
285	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	13/03/2002	12A3		7.0	5				9.75	10	5
286	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	19/12/2002	12A3	6	4.5	6	2.25	1.5	2	7	8.5	6.5
287	Nguyễn Duy Quang	Nam	11/09/2002	12A3	7.2	2.5	5.6				6.5	9.25	8.5
288	Đặng Tiến Thành	Nam	07/12/2001	12A3	7.8	3.5	5.4				6.25	9.5	10
289	Nguyễn Tuấn Hải	Nam	06/12/2002	12A3	6.8	5.75	6	6.25	5.75	6.25			
290	Cao Hữu Huy	Nam	31/07/2002	12A4	6.6	4.0	4.2				9	4.25	4.25
291	Nguyễn Thị Lý	Nữ	03/11/2002	12A4	2.6	3.5	2.8				8.25	2.5	2.25
292	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	13/08/2002	12A4	7.4	6.25	7.8	6	6	7.25			
293	Phí Quốc Dũng	Nam	26/09/2002	12A4	7.4	4.0	1				6.75	2.75	CNB
294	Phí Hải Nam	Nam	05/03/2002	12A4	6.6	2.0	3.6	4.75	5.75	3.75			
295	Phí Châu Oanh	Nữ	16/09/2002	12A4	5.2	6.5	4.4	3.25	6	2.75			
296	Cần Thị Thúy	Nữ	04/02/2002	12A4	2.4	5.75	2.8				6.75	6	6.75
297	Lê Thanh Thương	Nữ	26/03/2002	12A4	3.8	5.0	4				7.25	6.25	5.25
298	Chu Thị Hương	Nữ	07/01/2002	12A4	4.4	5.0	4.4				9.75	0	6.75
299	Chu Công Thái	Nam	11/06/2002	12A4	6	5.0	1.6	5.5	3.5	4.25			
300	Nguyễn Quang Trung	Nam	01/07/2002	12A4	3.6	3.5	3.6				7.25	6.25	5
301	Đỗ Thị Thu Huyền	Nữ	05/09/2002	12A4	6.6	6.0	1.8				6.25	5.25	5.75
302	Vương Tuấn Toàn	Nam	04/07/2002	12A4	6.4	3.25	1.8	3.75	1.5	4			
303	Vũ Đình Khiêm	Nam	20/08/2002	12A4	7.8	3.5	4.2				8	3.75	4
304	Phan Thị Giang	Nữ	05/11/2002	12A4	2.4	3.5	7.2					3.75	8.5
305	Nguyễn Thị Mai Linh	Nữ	18/08/2002	12A4	6.6	2.5	7.4				9.75	9.75	8.5
306	Vũ Đình Nam	Nam	06/08/2002	12A4	3	5.0	5.4				7.5	3	CNB
307	Lê Thị Thắm	Nữ	22/04/2002	12A4	6.4	7.0	4.8				7.5	6.75	7.5
308	Cần Thị Trang	Nữ	15/09/2002	12A4	8.2	3.75	8				8.75	9.5	10
309	Nguyễn Danh Hưng	Nam	08/02/2002	12A4	4.8	4.0	4				7.75	3	7
310	Nguyễn Danh Long	Nam	16/08/2002	12A4	8.2	5.0	5				7.25	8.25	5.5
311	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	22/09/2002	12A4	6.4	5.0	3.2				8.25	7.25	5.5
312	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	10/04/2002	12A4	5.8	4.0	6.4				6	8.75	8
313	Phan Thanh Hương	Nữ	18/04/2002	12A4	4	6.0	4.8				8.5	9.25	7.75
314	La Văn Đạt	Nam	27/07/2002	12A4	3	7.5	2.8				5.5	3.25	3.5
315	Nguyễn Văn Sò	Nam	17/04/2002	12A4	3.4	3.25	3.8				4.75	3.75	3.75
316	Kiều Thị Mai	Nữ	28/02/2002	12A4	1.8	5.75	2				8.25	5.75	4.25
317	Đỗ Thị Kim Thu	Nữ	24/04/2002	12A4	5.4	7.0	6.2				7	9	7
318	Bùi Thị Tuyết	Nữ	12/02/2002	12A4	3.6	7.0	6.4				8.5	7.5	8.5
319	Hoàng Thị Nga	Nữ	25/06/2002	12A4	3.8	7.25	5				7.25	2.5	4.75
320	Phùng Thu Thảo	Nữ	25/09/2002	12A4	5.8	5.0	5.6				9.25	10	8.25
321	Nguyễn Danh Khánh	Nam	01/07/2002	12A4	4.2	4.0	3.8				8.5	4.75	6.75
322	Nguyễn Hoàng Duy	Nam	29/11/2002	12A4		6.5	7.8	6.5	8	6.25		9.75	
323	Chu Thị Huyền	Nam	07/01/2002	12A4	4.4	5.5	3.6				3.75	1.5	8
324	Đỗ Văn Anh	Nữ	20/06/2002	12A4	2.2	2.5	4				5.5	3.25	5.5
325	Nguyễn Linh Chi	Nữ	28/01/2002	12A4	2	3.0	4				5.5	2.75	3.25
326	Nguyễn Tuấn Đạt	Nam	23/08/2002	12A4	2.8	4.0	4.8				5.5	9.75	5.5
327	Nguyễn Thị Hào Hào	Nữ	02/05/2002	12A4	3.8	6.0	6.2				3	2.25	4.5
328	Tạ Thị Hào Hào	Nữ	31/01/2002	12A4	5.8	5.0	3.6				7.75	7.5	4.25
329	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	27/06/2002	12A4	3.8	5.0	3.2				7.5	5.25	3.75
330	Nguyễn Thị Việt Hà	Nữ	12/02/2002	12A5	7.8	8.0	7.4				9.5	7	8.5
331	Phan Thị Phương Thảo	Nữ	20/10/2002	12A5		7.0	6.2	3.5	3.5	4.5	8	7.5	9.5
332	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	27/01/2002	12A5	4.2	5.0	5.6				8.25	5	5.75

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
333	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	27/01/2002	12A5	5.2	8.0	5				7.5	5.5	7.25
334	Phan Thị Việt Trinh	Nữ	15/02/2002	12A5		7.0	6.6				9.5	7.5	8.5
335	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	04/10/2002	12A5	4.6	4.5	6.8				9	6	7.25
336	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	07/02/2002	12A5	6.4	2.0	5.2	3.5			6	3.75	9
337	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	05/05/2002	12A5	5.2	4.0	5	3.75	2.5	3.25	9.25	7	6.75
338	Phan Thị Giang	Nữ	28/08/2002	12A5	8.6	7.75	7.6				8.5	8.25	9.5
339	Nguyễn Thị Lan Trinh	Nữ	26/03/2002	12A5	6.6	7.0	5.8	2.25			8	6	8.25
340	Nguyễn Thị Mai Linh	Nữ	10/09/2002	12A5	7.2	6.0	6	2	4.25	3.5	9.25	8.25	7.75
341	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	10/12/2002	12A5	6.8	5.75	5	2.5	2.5	1.75	9.5	8	8
342	Phan Thị Ngọc	Nữ	25/03/2002	12A5	7.4	7.5	6				9	6.75	8.75
343	Nguyễn Thị Trang	Nữ	01/09/2002	12A5	8.4	7.5	8				9.25	6.25	8
344	Nguyễn Khánh Ly	Nữ	30/10/2002	12A5	7.6	6.25	5.2				7.25	6	7.25
345	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	28/10/2002	12A5	8	6.5	6.4	3	2.75	4.5	8.75	7.5	6.75
346	Đỗ Tường An	Nam	23/02/2002	12A5	8	7.0	8.2				8.5	7.25	7
347	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ	14/04/2002	12A5	8.8	8.5	9	3.75			9.75	8.25	7.5
348	Trần Thanh Phương	Nam	17/06/2002	12A5	6.8	6.25	6.6				9.5	8.25	7.75
349	Ngô Trung Kiên	Nam	18/01/2002	12A5	8.2	6.25	7.6	3.75	2	5	10	8.75	7.5
350	Nguyễn Quỳnh Phương	Nữ	14/10/2002	12A5		5.5	8.2				8.5	7.5	8.5
351	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	21/02/2002	12A5	7.2	7.5	5.4	3.5	3.5	4.25	9	7.5	8.75
352	Kiều Thị Thu Hoài	Nữ	31/05/2002	12A5	7.8	8.0	7.8				9.25	8	9
353	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	23/04/2002	12A5	8	8.0	5.8				9.75	6.5	7.75
354	La Thị Thu Huệ	Nữ	23/10/2002	12A5	6.2	8.0	8.6				9	6.5	7.5
355	Nguyễn Thị Thu Loan	Nữ	10/08/2002	12A5	5.4	7.5	6.8				8.75	7.25	6.75
356	Phan Lạc Duy	Nam	01/11/2002	12A5	6	6.0	4.4	1.75	3.75	2.25	8	8.25	6
357	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	02/01/2002	12A5	7.6	5.0	7.2				9	6	7.25
358	Lê Khánh Hiền	Nữ	13/10/2002	12A5		7.5	5.6	2.75			8.5	8	9.25
359	Vũ Mai Lan	Nữ	10/12/2002	12A5	4.4	6.0	3.8	2.75	3.25	4.5	8.25	4.25	5
360	Phan Thị Thu Trang	Nữ	24/04/2002	12A5	7.8	8.5	9				8.75	7.25	9.25
361	Nguyễn Hữu Khánh	Nam	18/05/2002	12A5	5.8	5.5	5.2	2.5			7.25	6.5	5.75
362	Nguyễn Phi Long	Nam	28/07/2002	12A5	7.4	6.75	4.6				9	6.25	7
363	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	02/01/2002	12A5	5.6	8.0	6.2				9	6.25	6.25
364	Đỗ Phương Lê	Nữ	09/05/2002	12A5		7.5	6.4				9.25	7.5	7
365	Đặng Trung Khải	Nam	26/12/2002	12A5	7.8	4.5	5	3.25			8	6.5	7.75
366	Phùng Thị Minh Huệ	Nữ	14/07/2002	12A5	7.8	8.0	7.2				8	6.5	7.75
367	Phan Thị Thu Trang	Nữ	10/08/2002	12A5	7.4	8.75	5.4	1.5			10	8	7.75
368	Phan Thị Yến Ly	Nữ	23/05/2002	12A5	6.8	6.75	6	2.25	2		9	7.5	8
369	Nguyễn Thị Liên	Nữ	02/02/2002	12A5		8.0	4.8				9.25	7.75	8
370	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	10/09/2002	12A5	7	6.75	6.6				9.75	8.75	7
371	Phan Thị Ngọc Khánh	Nữ	15/12/2002	12A5	2.2	5.75	5.4				6	4	6.5
372	Nguyễn Hữu Hoàng	Nam	13/08/2002	12A5	5.8	4.0	5.4	2.5	3.25	2.5	9	7.75	6.75
373	Nguyễn Phương Linh	Nữ	04/09/2002	12A5	8.4	7.25	6.4				8.5	6.75	6
374	Đỗ Văn Cường	Nam	08/02/2002	12A6	8.4	5.5	5	7.75	6.25	3.25			
375	Cần Thị Mỹ Linh	Nữ	23/05/2002	12A6	9.2	7.5	6.6	8.5	6.5	5			
376	Nguyễn Minh Sơn	Nam	02/07/2002	12A6	8	5.5	3	5.25	3.75	7.25			
377	Nguyễn Văn An	Nam	15/07/2002	12A6	8.4	5.0	6				8.75	7.75	7.25
378	Phạm Công Minh An	Nam	03/06/2002	12A6	6	7.0	7	7.25	6.5	5.25			
379	Phí Thị Phương Anh	Nữ	07/07/2002	12A6	7.6	6.5	7.6				7.75	6.75	9
380	Nguyễn Duy Châu	Nam	07/08/2002	12A6	6.6	4.0	5.6	7.5	7.5	5		2.75	

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
381	Đỗ Văn Công	Nam	12/09/2002	12A6	7.4	2.0	4.6	7.75	6	7.25			
382	Nguyễn Thị Dung	Nữ	20/04/2002	12A6	6.6	6.5	6.6	7.25	8	6			
383	Cần Thị Thùy Dương	Nữ	06/01/2002	12A6	6.8	6.0	6	5.5	5.5	4			
384	Nguyễn Minh Đức	Nam	16/09/2002	12A6	8.6	5.0	6.6	6.75	8.75	8			
385	Nguyễn Trường Giang	Nam	22/08/2002	12A6	6.6	4.5	4.2	6	7.75	4.5			
386	Kiều Ngọc Hải	Nam	23/05/2002	12A6	6.8	3.5	4.4	6	5.25	4		5.75	
387	Hoàng Văn Hào	Nam	12/04/2002	12A6	6.8	2.0	5.2				7.5	8.5	9
388	Nguyễn Quang Hào	Nam	14/10/2002	12A6	6.2	5.5	4.8	6.5	7.75	6.25			
389	Tạ Thị Thu Hằng	Nữ	26/03/2002	12A6	5.2	5.5	3.2	7.25	6.75	2.75			
390	Đặng Mạnh Hiếu	Nam	12/12/2002	12A6	7.6	5.75	6.4	7	3.5	4.25			
391	Nguyễn Duy Hưng	Nam	04/08/2002	12A6	7.8	7.0	8	6.5	6.75	7			
392	Nguyễn Bá Khôi	Nam	27/11/2002	12A6	8.6	5.0	3.8	6.5	7.75	5.75			
393	Nguyễn Đức Kiên	Nam	07/09/2002	12A6	8.8	5.0	4.4				8.75	7	5.25
394	Đỗ Diệu Linh	Nữ	27/04/2002	12A6	7.2	5.0	6.4	5.5	7	5			
395	Phan Thị Ngọc Linh	Nữ	29/10/2002	12A6	7.4	6.75	5.8	7.5	5.25	5.25			
396	Phí Thị Hồng Nhung	Nữ	18/08/2002	12A6	6.8	6.25	7.2	4.75	6.75	6.5			
397	Khương Xuân Ninh	Nam	21/11/2002	12A6		6.25	5	7	8.75	6		2	
398	Đỗ Thu Phương	Nữ	03/06/2002	12A6	7.6	7.25	7.4				8.75	8	8.75
399	Kiều Thị Bích Phương	Nữ	03/06/2002	12A6	5.4	6.5	3.2				7.25	5.25	4.75
400	Nguyễn Thu Phương	Nữ	19/09/2002	12A6	6.2	7.5	5.2				9	6.5	7
401	Nguyễn Thị Phụng	Nữ	10/11/2002	12A6	7.8	8.0	6	7.25	7	5			
402	Nguyễn Trung Quân	Nam	25/01/2002	12A6	7.6	4.5	5.4	6.25	7.25	6			
403	Tạ Văn Quân	Nam	25/01/2002	12A6	8.2	6.25	5			CNB	8.5	9	8.25
404	Kiều Thị Quỳnh	Nữ	22/01/2002	12A6	7.4	5.75	4.8	5.25	8	5.75			
405	Nguyễn Xuân Sang	Nam	14/07/2002	12A6	7.6	4.75	6	7	7.25	7			
406	Chu Thị Minh Tâm	Nữ	28/04/2002	12A6	6.4	5.5	5.4	5.5	8.25	7.5			
407	Kiều Cao Thành	Nam	03/07/2002	12A6	7.2	7.0	6.2	8.25	6.25	3.5			
408	Đặng Thị Thảo	Nữ	10/09/2002	12A6	7.4	8.0	7				8	8.75	9.25
409	Chu Thị Thu	Nữ	17/06/2002	12A6	5.8	7.0	6.8	4.75	7.5	8.25			
410	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	08/11/2002	12A6	7.4	5.25	7.4				6.75	7	8.75
411	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	07/03/2002	12A6	6.4	6.75	6				9.25	7.5	6.75
412	Nguyễn Mai Trang	Nữ	18/04/2002	12A6	6.4	3.75	4.2	5	3.5	4.5			
413	Nguyễn Thị Phương Trinh	Nữ	06/12/2002	12A6	6.6	3.5	6				4.75	5	6.75
414	Tạ Xuân Trọng	Nam	24/06/2002	12A6	8	6.0	5.4				7.25	8.25	9
415	Tạ Khánh Vinh	Nam	29/08/2002	12A7	7	3.75	4.2	6.5	5	5.75			
416	Phùng Thị Linh Chi	Nữ	22/05/2002	12A7	5.2	6.0	4.8	5.5	6	5			
417	Nguyễn Khắc Huỳnh	Nam	31/12/2002	12A7	6.6	5.0	6.4	6.75	8	5.75			
418	Nguyễn Cao Thắng	Nam	30/10/2002	12A7	8.2	6.0	5.2				8	9	6.75
419	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	04/04/2002	12A7	5.2	6.0	5.8				7.75	7	7.25
420	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	24/05/2002	12A7	7.4	6.5	5.8				8.25	8	7.75
421	Nguyễn Thị Kim Chuyền	Nữ	13/07/2002	12A7	6.6	7.5	5.2		4.25	5.75	9	7	7.25
422	Nguyễn Phú Duy	Nam	15/07/2002	12A7	6.4	5.5	6.2	5.25	7.5	7	8	5.25	9.75
423	Nguyễn Phúc Đạt	Nam	02/02/2002	12A7	8	5.5	7.8	7	6.75	4			
424	Nguyễn Bình Giang	Nam	03/02/2002	12A7	7.2	6.0	7.2	5	4.5	3.75			
425	Nguyễn Thùy Giang	Nữ	18/03/2002	12A7	9.2	4.0	6.8	7.5	7.5	6.25			
426	Đặng Chí Hải	Nam	23/01/2002	12A7	5.2	4.0	4.8	7	6	5.5			
427	Phí Đình Hải	Nam	19/11/2002	12A7	7.6	4.0	6.4	6	7.75	3			
428	Đặng Thu Hằng	Nữ	06/03/2002	12A7	5.4	6.5	5.6				5.25	7	7

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
429	Phạm Văn Hiếu	Nam	30/06/2002	12A7	6	6.0	4.2				7.25	6.5	5.75
430	Chu Quang Huy	Nam	13/03/2002	12A7	7.6	4.0	6.4	6.25	6.5	4.75			
431	Nguyễn Thị Hương	Nữ	25/06/2002	12A7	6.2	7.0	4.4	4.75	6.75	6.5			
432	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	05/12/2002	12A7	7.4	3.5	4	8.5	7.25	3.25			
433	Ngô Thị Linh	Nữ	19/01/2002	12A7	7.6	5.5	6.8	7.75	8.75	4.5			
434	Nguyễn Thị Phương Mai	Nữ	03/09/2002	12A7	5.2	6.5	5				7.5	7	5.75
435	Chu Văn Minh	Nam	18/01/2002	12A7	7.4	6.5	4.8	3.5	9	9.25			
436	Tạ Thị Nghiêm	Nữ	10/09/2002	12A7	6.6	6.75	5.2				8.5	7.25	6.25
437	Nguyễn Thu Phương	Nữ	11/10/2002	12A7	6.6	6.75	4.4				7	7.25	8
438	Phùng Khắc Quyết	Nam	14/05/2002	12A7	6.8	5.5	4.2				8.75	6.5	7.75
439	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	04/08/2002	12A7	5	5.75	4.6				8	6.75	5
440	Nguyễn Đình Sơn	Nam	06/09/2002	12A7	7.4	4.5	4.4	4.5	4.75	4.5			
441	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	27/11/2002	12A7	6.8	6.5	4	4.25		2.75	7.25	6	6
442	Nguyễn Thị Thuỳ	Nữ	13/05/2002	12A7	4.8	7.0	5				7	8	6.5
443	Đỗ Văn Tiến	Nam	15/06/2002	12A7	8	3.25	5.4	6.75	6.25	3.75			
444	Kiều Thu Trà	Nữ	09/10/2002	12A7	8.6	7.0	4.8	5.5	8	4			
445	Đỗ Thùy Trang	Nữ	10/12/2002	12A7	7	6.5	5.6				6.75	6	6
446	Ngô Thị Đài Trang	Nữ	17/03/2002	12A7	6.6	3.25	4				4.75	5	3.5
447	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01/11/2002	12A7	7	5.0	7.6				7.75	9.25	7.75
448	Nguyễn Đình Trường	Nam	17/03/2002	12A7	5.6	2.75	4.2	6.25	4.25	2.5			
449	Phí Quốc Tuấn	Nam	18/11/2002	12A7	6.8	5.0	6.6	5	7.5	5			3.5
450	Nguyễn Trung Tùng	Nam	09/12/2002	12A7	8.6	4.25	4.4	6.75	5.5	2.25			
451	Kiều Thị Thu Uyên	Nữ	24/09/2002	12A7	7.4	6.0	3	6.5	5.75	4.5			
452	Nguyễn Long Vũ	Nam	25/06/2002	12A7	4.8	5.0	2.4	4	6.25	4.25			
453	Phùng Thị Xuân Vy	Nữ	31/03/2002	12A7	6.6	5.75	4.2				7	7.75	7.5
454	Vương Tuấn Chính	Nam	08/04/2002	12A7	8.4	3.5	5.8	7.75	8	3.25			
455	Tạ Ngọc Quân	Nam	17/06/2002	12A7	7.2	5.5	2.4	5.5	5.25	3			
456	Nghiêm Văn Nam	Nam	23/05/2002	12A8	7.4	5.5	3.8	7.75	9.25	3			
457	Nguyễn Nam Khánh	Nam	19/07/2002	12A8	8.6	5.0	5.4	9.5	9.5	6.75			
458	Đỗ Thị Phương Anh	Nữ	26/02/2002	12A8	7	7.0	4.8				8.25	7.75	6.75
459	Nguyễn Nam Anh	Nam	18/12/2002	12A8	7.2	6.0	8.2	7.5	5	5.5			
460	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	06/05/2002	12A8	6.4	4.0	7.2	7	9.25	7.25			
461	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	01/06/2002	12A8	7	6.5	6	6.75	5.25	4.75			
462	Phùng Đức Anh	Nam	10/03/2002	12A8	7.8	7.5	6.8	2.5	8.5	9.5			
463	Nguyễn Đình Chiến	Nam	21/04/2002	12A8	6.6	4.5	3.4	6.5	8.75	6.5			
464	Phan Ngọc Diệp	Nữ	20/09/2002	12A8	8.4	7.0	6.2	8.5	8.5	6			
465	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	31/10/2002	12A8		4.0	5.2	8.75	8.75	6.5			
466	Nguyễn Hương Giang	Nữ	04/10/2002	12A8	7.4	6.75	5.2				9	6.5	6.75
467	Nguyễn Thị Hà	Nữ	25/03/2002	12A8	6.2	7.0	6.2				8.5	7.5	7
468	Phí Thị Hà	Nữ	24/10/2002	12A8	6.6	5.5	5.8	7.25	6.25	6.5			
469	Kiều Diên Hải	Nữ	04/05/2002	12A8	6.4	6.0	6.2	6.75	8.25	7			
470	Đặng Tám Hoàng	Nam	22/05/2002	12A8	6	7.5	6.4				9.25	7.25	7
471	Phan Thị Khánh Huyền	Nữ	07/08/2002	12A8	8.6	3.0	6.4	6.25	8.5	4			
472	Nguyễn Minh Hưng	Nam	04/05/2002	12A8	7.6	6.5	4	7.5	7.75	4.5			
473	Phùng Đức Hưng	Nam	06/06/2002	12A8	8.4	4.0	5.8	7	6.25	4.25			
474	Nguyễn Thu Hương	Nữ	04/07/2002	12A8	6.6	7.25	7.4	8	6	6			
475	Trần Nam Khánh	Nam	20/08/2002	12A8	7.2	3.25	6	9	8.5	6.5			
476	Cần Thị Ngọc Linh	Nữ	12/10/2002	12A8	6.6	6.5	4	4	7.5	8			

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
477	Đặng Khánh Linh	Nữ	19/02/2002	12A8	6.8	6.5	7	5.75	6.5	6.5			
478	Phan Thị Mỹ Linh	Nữ	10/08/2002	12A8	6.2	6.25	4.2	6.5	3.5	5.75			
479	Nguyễn Hương Ly	Nữ	23/09/2002	12A8	7.2	8.25	7.8				9.25	10	8.75
480	Đặng Thị Mai	Nữ	10/02/2002	12A8	6.8	8.25	7.8				8.5	7	5.5
481	Nguyễn Thị Mai	Nữ	08/11/2002	12A8	8.4	6.0	6.2	7.75	9	4.5			
482	Nguyễn Thị Minh	Nữ	04/08/2002	12A8	8	8.0	6.6				8.5	6	6
483	Chu Văn Nam	Nam	08/03/2002	12A8	7.8	7.0	7.2	6.5	7.25	6			
484	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Nữ	01/02/2002	12A8	8	6.5	3.2	7.75	7	6.5			
485	Phùng Minh Ngọc	Nữ	25/01/2002	12A8	6.2	7.5	4				7.75	8.75	6
486	Cần Thị Yến Nhi	Nữ	01/11/2002	12A8	9	7.75	7.2	6.75	9.5	9.5			
487	Chu Thị Thu Phương	Nữ	19/03/2002	12A8	7.4	7.75	5.4	7.5	4.25	6			
488	Phí Thị Thu Phương	Nữ	29/12/2002	12A8	7	7.5	6	6.5	7.25	6			
489	Nguyễn Minh Thành	Nam	06/03/2002	12A8	6.8	7.0	2.8	5.75	8	3			
490	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	20/06/2002	12A8	7.8	7.5	3.8	7	7.75	6			
491	Phùng Thị Thu	Nữ	27/02/2002	12A8	7.4	7.25	6	7	9.75	6.5			
492	Cần Thị Thùy Tiên	Nữ	06/01/2002	12A8	7.6	7.0	6.8				8	6.5	6.25
493	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	23/01/2002	12A8	6.2	6.5	3	5.75	6	5.25			
494	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	11/07/2002	12A8	9	7.0	4	8.25	9	5.75			
495	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	02/01/2002	12A8	7.4	6.75	3.4	6.5	8.75	4.5			
496	Nguyễn Huy Tùng	Nam	20/06/2002	12A8	7.8	6.25	5.4	8.75	9.75	5.5			
497	Đặng Quốc Việt	Nam	09/07/2002	12A8	7	5.75	7.2	6.25	5.75	5.75			
498	Cần Văn An	Nam	20/09/2002	12A9		5.5	3.8				3	5.5	5
499	La Thị Vân Anh	Nữ	02/06/2002	12A9	3.8	6.5	3.4				5.75	4.75	5.75
500	Lê Ngọc Anh	Nam	08/08/2002	12A9	6.2	6.5	6.4				8.25	7.5	8.5
501	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	19/10/2002	12A9	6	7.0	4.8				7.75	6.5	7.5
502	Phan Thị Quỳnh Anh	Nữ	27/07/2002	12A9		5.5	2.6				9.25	5.75	5
503	Phan Lạc Công	Nam	16/11/2002	12A9	4.4	5.0	6				3.75	3.5	7.25
504	Nguyễn Huy Đạt	Nam	06/07/2002	12A9		4.0	4				7	2.75	5.5
505	Phan Lạc Đạt	Nam	21/08/2002	12A9	6.6	3.0	3.2				8.5	4	4.25
506	Nguyễn Thị Hà	Nữ	01/01/2001	12A9	5.8	5.5	7.2				7.75	7.75	7.25
507	Nguyễn Bá Hải	Nam	07/08/2002	12A9	6	6.0	5				7.75	3.75	3.5
508	Phí Hoàng Hải	Nam	24/05/2002	12A9	6.6	6.0	4.8				8.5	7.25	7.75
509	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	23/03/2002	12A9	6.4	6.0	5				8	7.25	8.25
510	Tạ Thu Hiền	Nữ	01/11/2002	12A9		6.5	3.6				8.75	6	5.5
511	Nguyễn Thế Hiền	Nam	15/02/2002	12A9	7.8	5.0	2.6				5	3.75	7.25
512	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Nữ	26/10/2002	12A9	7.2	5.0	4.2				8.25	1.75	6
513	Đỗ Thị Thanh Hương	Nữ	22/12/2002	12A9	7	8.0	6.2				8.5	6.25	6.25
514	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	07/09/2002	12A9	8.2	5.0	3.4				9.75	5.5	1.75
515	Phan Diệp Linh	Nữ	31/05/2002	12A9	5.4	6.5	3.8				8.25	4.25	6.25
516	Nguyễn Thị Hương Ly	Nữ	20/01/2002	12A9	5.4	7.25	5.8				9	4.25	6.25
517	Phan Hoàng Nam	Nam	16/08/2002	12A9		3.5	1.8				9.5	5.25	4.75
518	Nguyễn Thị Hằng Nga	Nữ	20/05/2002	12A9	8.6	7.0	7				8.25	7.75	8.5
519	Tạ Thị Kim Ngân	Nữ	04/03/2002	12A9		7.75	7.8				7.25	6.75	6.25
520	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	11/10/2002	12A9	5	7.25	5.4				6.25	6	4.75
521	Nguyễn Thị Phái	Nữ	10/05/2002	12A9		6.25					8.75	8.5	8
522	Nguyễn Thị Phương	Nữ	27/01/2002	12A9		7.0	4.2				8.25	4.5	7.5
523	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	Nữ	24/10/2002	12A9	8.2	7.5	5.8				8	6.75	6.25
524	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	Nữ	27/09/2002	12A9	7	7.5	5.2				7.75	6.25	6

STT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Toán	Văn	NN	li	hoa	Sinh	gdcđ	Địa	Su
525	Vũ Thị Phương Thanh	Nữ	21/02/2002	12A9	7	8.0	3.4				8	7.5	8
526	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	24/11/2002	12A9	5.8	7.0	4.4				8	6.5	5.25
527	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	06/11/2002	12A9	5.6	7.25	6.6				8.5	6.75	7.25
528	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	17/09/2002	12A9	4.4	5.5	5.8				7.25	6.25	3.75
529	Vũ Thị Phương Thư	Nữ	21/02/2002	12A9	8.2	6.25	3.6				7.25	8	8.75
530	Phan Thị Thương	Nữ	31/03/2002	12A9	6.6	7.25	4.8				9.25	6	8.75
531	Phan Lạc Toàn	Nam	04/01/2002	12A9	6.2	6.5	3.8				7.75	5.5	7.25
532	Phan Thị Thu Trà	Nữ	06/02/2002	12A9	6.2	8.0	3				8.75	2	5.75
533	Nguyễn Thu Trang	Nữ	12/11/2002	12A9	5	6.0	6.6				7.75	6	8
534	Phan Thị Thu Trang	Nữ	29/11/2002	12A9	7.4	7.25	6				7.5	7	8
535	Phan Thị Thùy Trang	Nữ	11/07/2002	12A9	5.8	6.5	3.8				9.5	6.5	5.75
536	Vũ Thị Thu Trang	Nữ	12/11/2002	12A9	7.4	7.0	6.2				8.25	5.5	6.5
537	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Nữ	10/05/2002	12A9	4.8	4.0	2.4				1.75	2	5
538	Phùng Thị Thanh Trúc	Nữ	31/10/2002	12A9		8.0	6.4				6.25	9	8.5
539	Nguyễn Văn Trường	Nam	12/07/2002	12A9	4.6	6.25	3.2				8.5	3.75	5.75
540	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	22/09/2002	12A9	6.4	7.5					8	5.75	6.5
541	Nguyễn Thị Linh	Nữ	05/07/2002	12A9	6.8	7.0	5.8				7.75	4.75	6.75
542	Chu Thị Lan Phương	Nữ	12/10/2002	12A9	6	5.0	5.4				7.25	7.75	4.25